TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày 28/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Ông **Vàng Văn Chài**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Cao Thị Hóa** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa*:** Ông: **Nguyễn Hữu Toàn** - Kiểm sát viên

Ngày 28/9/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 26/2017/TLST-HS ngày 13/9/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/HSST-QĐ ngày 14/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **PAN VĂN B** - Sinh năm 1992; Tại: T Đ - Lai Châu.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giấy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Pan A S, sinh năm 1966 và bà Giàng Thị L, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị S, sinh năm 1996; Bị cáo chưa có con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T Đ, tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

2. Họ tên: **VÀNG VĂN S** - Sinh năm: 1993; Tại: T Đ - Lai Châu.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giấy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Vàng Văn S, sinh năm 1963 và bà Vàng Thị S, sinh năm 1963; Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lý Thị L, sinh năm 1994 và 01 người con sinh năm 2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Nguyễn Công H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu.

Người bị hại: Anh Lương Trọng K, sinh năm 1984 Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã T T, huyện T N, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: Bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu

(Có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông: Nguyễn Duy T, sinh năm 1971

Trú tại: Tổ 2, phường Q T, thành phố L C, tỉnh Lai Châu.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

3. Ông Pan A S, sinh năm 1966.

4. Chị Lý Thị L, sinh năm 1994.

5. Chị Lò Thị S, sinh năm 1996.

Đều trú tại: Bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu (Đều có mặt)

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã S T, thành phố L C, tỉnh Lai Châu.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trưa ngày 26 tháng 6 năm 2017, Pan Văn B có đến chơi tại nhà Vàng Văn S. Trong lúc nói chuyện, Bút rủ S cùng nhau trộm cắp bình ắc quy lắp trên xe ôtô biển kiểm soát 25K-1054 của anh Lương Trọng K, sinh năm 1984, tạm trú tại bản Bản N, xã B G, huyện T Đ đang đậu ở ven đường thuộc bản N, xã B G đem đi bán lấy tiền tiêu xài và được S đồng ý.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2017, B và S trên đường đi chơi từ thị trấn T Đ về nhà, khi đến đoạn đường thuộc bản N , xã B G thấy xe ôtô biển kiểm soát 25K-1054 đang đậu ở ven đường nên S rủ B thực hiện ý định trộm cắp bình ắc quy. Cả hai về nhà bếp của S thống nhất việc trộm cắp tài sản, sau đó B về gốc cây gần nhà mình lấy 01 lưỡi cưa thép dài 32 cm, rộng 1,96 cm, đem đến nhà S lấy 01 miếng vải màu đỏ cuốn vào 01 đầu của lưỡi cưa và lấy dây cao su màu đen quấn lại để làm cán. Cả hai đem theo lưỡi cưa thép đi bộ đến vị trí xe ôtô biển kiểm soát 25K-1054. Thấy xe được gắn 02 bình ắc quy, nhãn hiệu GS, loại 80A để trong hộp sắt khóa bằng ổ khóa Việt - Tiệp (loại ổ khóa hình chữ U) nên Soái dùng điện thoại Nokia model 1280 của Bút bật đèn pin tìm vị trí cưa, rồi cả hai thay phiên nhau cưa vào phần chữ U của ổ khóa khoảng 30 phút thì cưa xong. S mở nắp hộp, mỗi người bê một bình ắc quy đem giấu cách 19,7 m rồi quay về nhà S lấy xe môtô biển kiểm soát 25F1- 7317 đến chở 02 bình ắc quy về nhà B cất giấu.

Khi đến nhà mình, B gọi bố là ông Pan A S dậy mở cửa để B, S mỗi người xách một bình ắc quy vừa trộm cắp được giấu vào phía sau tủ để tivi của gia đình B. Đến khoảng 8 giờ, ngày 29 tháng 6 năm 2017, S điều khiển xe môtô biển kiểm soát 25B1- 103.34 chở B cùng 02 bình ắc quy đã trộm cắp được lên bán cho anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1971, trú tại tổ 2, phường Q, thành phố L C là người thu mua phế liệu, nói dối là bình ắc quy hỏng với giá 720.000 đồng sau đó mang về chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 08 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T Đ kết luận 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS 80A có giá trị vào thời điểm mất là 3.500.000 đồng.

Qúa trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T Đ đã tạm giữ 01 lưỡi cưa dài 32 cm, một chiếc xe môtô biển kiểm soát 25B1- 103.34, một chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia, model 1280 kèm theo 01 thẻ sim, một chiếc quần và 01 chiếc áo do Pan Văn B giao nộp; tạm giữ xe môtô biển kiểm soát 25F1-7317, một chiếc áo mưa, loại áo choàng một đầu, một chiếc quần và 01 chiếc áo do Vàng Văn S giao nộp.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Pan Văn B, Vàng Văn S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Lương Trọng K về không gian, thời gian, tài sản chiếm đoạt và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 21/KSĐT-SH ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, truy tố các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ, trình bày lời Luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 31, Điều 53 Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S cùng mức án từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả hai bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là những người dân tộc thiểu số, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, đồng thời đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho người bị hại, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật hình sự. Cho các bị cáo được hưởng án cải tạo không giam giữ, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại Lương Trọng K trình bày: Tài sản bị mất là 02 bình ắc quy trị giá 3.500.000 đồng gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên không yêu cầu gì thêm, về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trong đơn xin vắng mặt ông Nguyễn Duy T trình bày: Ông không biết 02 chiếc bình ắc quy đã mua là tài sản trộm cắp mà có, số tiền 720.000 đồng đã mua 02 bình ắc quy hai bị cáo chưa hoàn trả cho ông nay ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền nói trên.

Ông Pan A S, bà Giàng Thị L trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 25 B1 – 103.34 là tài sản của vợ chồng ông bà mua từ năm 2013, tại thời điểm mua do ông bà không biết đi xe mô tô nên đã lấy tên con trai mình là Pan Văn B để đăng ký xe, Bút không mua chiếc xe nói trên. Chiếc xe là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình ông bà nên đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe nói trên cho ông.

Chị Lò Thị S trình bày: Chị không biết bị cáo Phan Văn B là chồng mình đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, số tiền chị đã thay mặt bị cáo B bồi thường cho người bị hại, do là vợ bị cáo nên chị không yêu cầu B phải hoàn trả cho chị.

Chị Lý Thị L trình bày: Chị không biết chồng mình là Vàng Văn S trộm cắp tài sản, khi S đưa cho chị 200.000 đồng chị không biết số tiền này do phạm tội mà có, nay đã tiêu sài hết, số tiền chị đã thay mặt bị cáo S bồi thường cho người bị hại nay không yêu cầu bị cáo hoàn trả cho chị, chiếc xe mô tô BKS 25 F1 – 7317 là do mẹ đẻ chị cho chị tiền để mua, là tài sản riêng của chị, chị không biết bị cáo S dùng chiếc xe vào việc phạm tội nên đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho chị.

Lời khai người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết L thể hiện: Khi anh Lương Trọng K về quê có nhờ chị trông coi hộ chiếc xe ô tô BKS 25 K – 1054, vì anh K là bạn trai chị nên chị không lấy công trông coi cũng như việc anh K không gắn trách nhiệm cho chị nếu xe bị hư hỏng hoặc mất mát.

Ngày 19/9/2017 vợ bị cáo Pan Văn B là chị Lò Thị S đã giao nộp cho Tòa án Biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho anh Vũ Quang K, lý do bồi thường là do trước đó chồng chị S là Pan Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 bình ắc quy trên chiếc máy xúc của anh K cùng 01 đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm của các bị cáo: Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại khu vực bản N, xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản của chủ sở hữu tài sản và người trong coi Pan Văn B và Vàng Văn S đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại 80A, trị giá 3.500.000 đồng được gắn trên xe ôtô biển kiểm soát 25K-1054 của anh Lương Trọng K, sinh năm 1984, tạm trú tại bản N, xã B G đem đi bán lấy 720.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì tư lợi cá nhân đã thúc đẩy các bị cáo phạm tội. Tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác đều phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật và góp phần giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

[3]. Về mục đích phạm tội của các bị cáo: Pan Văn B và Vàng Văn S trộm cắp tài sản nhằm bán lấy tiền tiêu sài cho bản thân.

[4]. Về nhân thân các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Pan Văn B và Vàng Văn S đều được sinh ra trong những gia đình lao động, các bị cáo có tuổi đời còn trẻ song đã không tu dưỡng, rèn luyện làm ăn lương thiện, vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà không cần phải lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần có một mức án nghiêm khắc trên cơ sở xem xét tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân các bị cáo.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi hành vi phạm tội bị phát giác đã tích cực tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bên cạnh đó các bị cáo là người dân tộc thiểu số, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tính chất nguy hiểm cho xã hội cũng như hậu quả của hành vi các bị cáo thực hiện là ngang nhau, vì vậy trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu là tương đương nhau. Tại thời điểm xét xử các bị cáo đã bị tạm giam một thời gian, thời gian bị tạm giam cũng đã đủ để các bị cáo nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình, xét thấy không cần thiết tiếp tục áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

[6]. Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 25 B1 – 103.34 là công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên quá trình điều tra chứng minh được đây là tài sản của vợ chồng ông Pan A S, bà Giàng Thị L, chủ sở hữu không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội và có đề nghị trả lại. Xét thấy việc tịch thu sung công quỹ Nhà nước là không phù hợp nên cần trả chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô BKS 25 F1 – 7317 các bị cáo dùng vào việc phạm tội là tài sản riêng của chị Lý Thị L là vợ bị cáo S, khi S dùng chiếc xe nói trên vào việc phạm tội chị L không biết, nay chị L đề nghị được nhận lại chiếc xe. Xét thấy việc tịch thu sung công quỹ Nhà nước là không cần thiết nên cần trả chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu hợp pháp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA đã qua sử dụng kèm theo sim của Pan Văn B là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trong đó chiếc điện thoại di động là công cụ phương tiện phạm tội vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nức, chiếc sim điện thoại là vật có thể tách rời là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo; 01 lưỡi cưa kim loại của Pan Văn B là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội

xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; 01 áo khoác giả da màu đen, 01 quần bò ống dài màu xám thu giữ của Pan Văn B; 01 áo khoác cổ đứng màu nâu, 01 quần bò ống dài màu xanh, 01 áo mưa màu xanh - cam của Vàng Văn S là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nen cần trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền 200.000 đồng chị Lý Thị L nhận từ bị cáo Vàng Văn S, tuy nhiên chị L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và đã tiêu sài hết. Hiện tại chị L đã thay mặt bị cáo bồi thường cho người bị hại nên số tiền này không cần thiết phải truy thu.

[7]. Về trình tự thủ tục tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ thời điểm vụ án được khởi tố đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử đã được điều tra, truy tố và xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 12, Điều 23, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 56 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã thay mặt các bị cáo bồi thường đủ số tiền phải bồi thường, người bị hại không yêu cầu gì thêm, xét thấy việc bồi thường là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Đối với số tiền 1.900.000 đồng chị Lò Thị S bồi thường cho anh Vũ Quang K do trước đó bị cáo Pan Văn B (chồng chị S) đã có hành vi trộm cắp chiếc bình ắc quy của anh Khiên, HĐXX xét thấy hành vi trộm cắp chiếc ắc quy của anh K bị cáo Pan Văn B đã thực hiện là hành vi độc lập, đã bị xử lý hành chính, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này nên anh K không được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Việc bồi thường thiệt hại giữa chị S, anh K HĐXX không xem xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99/ Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 31, Điều 41, Điều 53 của Bộ luật hình sự; Điều 76, Điều 99, khoản 3 Điều 227, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văng S phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S mỗi bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, các bị cáo đều được khấu trừ thời gian tạm giam là 81 (tám mươi mốt) ngày tương đương 243 ngày cải tạo không giam giữ, nay mỗi bị cáo phải thi hành tiếp 15 (mười lăm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã B G, huyện

T Đ, tỉnh Lai Châu nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho UBND xã B G, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả hai bị cáo, miễn khấu trừ một phần thu nhập cho cả hai bị cáo.

Trả tự do cho các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Tịch thu 01 lưỡi cưa kim loại đã qua sử dụng của Pan Văn B để tiêu hủy. Trả lại cho bị cáo Pan Văn B 01 sim Viettel số thuê bao 0979731753, 01 áo khoác giả da màu đen, 01 quần bò ống dài màu xám; Trả lại cho bị cáo Vàng Văn S 01 áo khoác cổ đứng màu nâu, 01 quần bò ống dài màu xanh, 01 áo mưa màu xanh - cam. Tịch thu 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh đen đã qua sử dụng của Pan Văn B để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho ông Pan A S, bà Giàng Thị L 01 xe mô tô BKS 25 B1 – 103.34 đã qua sử dụng; Trả lại cho chị Lý Thị L 01 xe mô tô BKS 25 F1 – 7317 đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 14/9/2017 giữa Công an huyện T Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ.

4. Về án phí: Các bị cáo Pan Văn B, Vàng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh.
- VKS T Đ
- Thi hành án DS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- UBND xã B G.
- Sở tư pháp LC
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước